

Số: 564/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thực hiện mạng lưới quan trắc môi trường, thông số quan trắc và tần suất quan trắc các thành phần môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh;

Căn cứ Thông tư số 52/2025/TT-BNNMT ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc tài nguyên nước và cảnh báo, dự báo nguồn nước;

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”; Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch

tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 55/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng thực hiện mạng lưới quan trắc môi trường, thông số quan trắc và tần suất quan trắc các thành phần môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Quan trắc nước mặt

a) Vị trí quan trắc:

- Khu vực phía Nam tỉnh Đồng Nai (Đồng Nai cũ):

+ Quan trắc nước mặt gián đoạn, định kỳ: 171 vị trí tại các sông, suối, hồ trên 12 tiểu lưu vực.

+ Quan trắc nước mặt tự động: Vận hành 05 trạm quan trắc nước mặt tự động cố định đã được đầu tư, trong đó có 01 trạm tại Cảng Đồng Nai được thay thế bằng trạm nước mặt chuyên đổi từ 01 trạm quan trắc nước thải; 05 trạm quan trắc tự động sẽ đầu tư trong giai đoạn 2026-2030 và 06 trạm do Ngân hàng thế giới đầu tư.

+ Quan trắc dòng chảy: 29 vị trí trên 11 tiểu lưu vực.

- Khu vực phía Bắc tỉnh Đồng Nai (Bình Phước cũ):

+ Quan trắc nước mặt gián đoạn, định kỳ: 81 vị trí tập trung ở các khu vực chịu tác động bởi các hoạt động nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt, tại thượng lưu và hạ lưu các dòng sông nhằm đánh giá sự tác động của các hoạt động xã hội của con người đến chất lượng nước sông.

+ Quan trắc nước mặt tự động: Vận hành 05 trạm quan trắc nước mặt tự động đã được đầu tư, 01 trạm quan trắc tự động sẽ đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030.

b) Tần suất quan trắc:

- Quan trắc nước mặt gián đoạn, định kỳ: Thực hiện 4-17 đợt/năm tùy theo mục tiêu, hiện trạng của từng vị trí quan trắc.

- Các trạm quan trắc nước mặt tự động cố định: 24/24 giờ.

- Quan trắc dòng chảy: Thực hiện 14 đợt/năm.

c) Thông số quan trắc:

- Đối với quan trắc nước mặt gián đoạn, định kỳ: Tối thiểu 17 thông số, gồm: nhiệt độ, pH, DO, độ dẫn điện (EC), BOD5, COD/TOC, TSS, Tổng Photpho, Tổng Nitơ, Coliform, Coliform chịu nhiệt, Fe, Pb, Zn, Tổng phenol, Amoni (tính theo N), E. Coli. Đối với quan trắc nước mặt tại các vị trí hồ: bổ sung thêm thông số Chlorophyll a.

Căn cứ quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, mục đích quan trắc, hiện trạng xem xét, quyết định bổ sung một vài thông số trong 6 thông số: Độ mặn, Tổng dầu mỡ, Xyanua (CN⁻), Florua (F⁻), Tổng Crom, chất hoạt động bề mặt.

- Thực hiện quan trắc thủy sinh các thành phần gồm: Động vật nổi, thực vật nổi và động vật đáy tại sông Đồng Nai, sông Thị Vải và hồ Trị An.

- Đối với quan trắc nước mặt tự động:

+ Khu vực phía Nam: Tùy theo hiện trạng thiết bị của từng trạm nhưng không vượt quá 05 thông số là Nhiệt độ, pH, DO, TSS, COD.

+ Khu vực phía Bắc: Tùy theo hiện trạng thiết bị của từng trạm, nhưng không vượt quá 08 thông số: nhiệt độ, pH, DO, TSS, COD, độ đục, NH₄⁺, NO₃.

- Quan trắc dòng chảy: Mặt cắt ngang, độ sâu và vận tốc/lưu lượng dòng chảy.

2. Quan trắc trầm tích

a) Vị trí quan trắc: 56 vị trí trên 10 tiểu lưu vực tại khu vực phía Nam.

b) Tần suất quan trắc: Thực hiện 2 đợt/năm.

c) Thông số quan trắc: Tối thiểu 8 thông số gồm: As, Cd, Pb, Zn, Hg, Tổng Cr, Cu.

Căn cứ quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, mục đích quan trắc xem xét, quyết định bổ sung các thông số cho phù hợp.

3. Quan trắc không khí

a) Vị trí quan trắc:

- Khu vực phía Nam tỉnh Đồng Nai (Đồng Nai cũ):

+ Quan trắc không khí gián đoạn, định kỳ: 145 vị trí, gồm quan trắc nền và quan trắc tác động xung quanh các khu vực công nghiệp, khu vực xung quanh sân bay, khu vực dân cư, khu vực xử lý chất thải rắn, khu vực giao thông, khu vực khai thác đá xây dựng.

+ Quan trắc không khí tự động: Vận hành 01 xe quan trắc không khí tự động di động, 02 trạm quan trắc không khí tự động, cố định đã được đầu tư và 05 trạm quan trắc tự động sẽ đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Khu vực phía Bắc tỉnh Đồng Nai (Bình Phước cũ):

+ Quan trắc không khí gián đoạn, định kỳ: 73 vị trí, gồm quan trắc nền và quan trắc tác động tại khu vực môi trường chịu nhiều tác động gồm khu vực công nghiệp, dân cư, khu xử lý chất thải rắn, khu vực giao thông.

+ Quan trắc không khí tự động: Vận hành 03 trạm quan trắc không khí tự động đã được đầu tư và 10 trạm quan trắc tự động sẽ đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030.

b) Tần suất quan trắc:

- Quan trắc không khí gián đoạn, định kỳ: Tối thiểu 6 đợt/năm.
- Xe (trạm) quan trắc không khí di động: Tối thiểu 06 đợt/năm.
- Các trạm quan trắc không khí tự động cố định: 24/24 giờ.

c) Thông số quan trắc:

- Quan trắc không khí gián đoạn, định kỳ: Tối thiểu 7 thông số: nhiệt độ, độ ẩm tương đối, CO, NO₂, SO₂, bụi TSP, tiếng ồn. Đối với khu vực xung quanh các khu xử lý chất thải rắn, ngoài các thông số tối thiểu: Bổ sung 02 thông số NH₃, H₂S. Đối với một số vị trí khu dân cư, KCN và giao thông ngoài các thông số tối thiểu: Bổ sung thông số bụi PM₁₀ thực hiện quan trắc liên tục 24 giờ.

- Quan trắc không khí tự động:

+ Khu vực phía Nam: Tùy theo hiện trạng thiết bị của từng trạm nhưng không vượt quá 22 thông số, gồm: 06 thông số khí tượng: tốc độ gió, hướng gió, nhiệt độ, độ ẩm, áp suất khí quyển, bức xạ nhiệt; 16 thông số quan trắc chất lượng không khí: bụi TSP, bụi PM₁₀, bụi PM_{2.5}, NO, NO₂, NO_x, SO₂, CO, O₃, THC, NMHC, CH₄, benzen, toluen, ethylbenzen, xylen (BTEX).

+ Khu vực phía Bắc: Tùy theo hiện trạng thiết bị của từng trạm nhưng không vượt quá 18 thông số, gồm: 07 thông số khí tượng: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, hướng gió, bức xạ nhiệt, áp suất khí quyển, lượng mưa; 11 thông số quan trắc chất lượng không khí: bụi TSP, bụi PM₄, bụi PM₁₀, PM_{2.5}, PM_{1.0}, NO₂, NO, NO_x, SO₂, CO, O₃.

4. Quan trắc đất

a) Vị trí quan trắc

- Khu vực phía Nam tỉnh Đồng Nai (Đồng Nai cũ): 96 vị trí gồm quan trắc nền và quan trắc tác động tại 6 khu vực: Khu vực đất nền, khu vực đất công nghiệp, khu vực đất dân sinh, khu vực phụ cận sân bay, khu vực nông nghiệp, khu vực phụ cận sân bay (sân bay Quốc tế Long Thành) và khu vực phụ cận các khu xử lý chất thải rắn.

- Khu vực phía Bắc tỉnh Đồng Nai (Bình Phước cũ): 88 vị trí quan trắc tập trung ở các khu dân cư, khu canh tác nông nghiệp, gần bãi chôn lấp rác thải, giáp nguồn thải bệnh viện, xung quanh khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhà máy,...

b) Tần suất quan trắc: Thực hiện 2 đợt/năm.

c) Thông số quan trắc: Tối thiểu 9 thông số gồm: Asen (As), Đồng (Cu), Cadimi (Cd), tổng Chromi (Cr), Chì (Pb), Thủy ngân (Hg), Niken (Ni), Kẽm (Zn), Hóa chất bảo vệ thực vật hữu cơ khó phân huỷ tồn lưu trong môi trường và phospho hữu cơ.

5. Quan trắc nước dưới đất

a) Vị trí quan trắc:

- Khu vực phía Nam tỉnh Đồng Nai (Đồng Nai cũ): 27 công trình và vận hành 15 trạm quan trắc tự động để theo dõi diễn biến mực nước tại 15 công trình.

- Khu vực phía Bắc tỉnh Đồng Nai (Bình Phước cũ): Thực hiện tại 39 công trình để quan trắc động thái nước dưới đất và đồng bộ với chương trình quan trắc nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đảm bảo thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BNNMT ngày 25/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và môi trường.

b) Tần suất quan trắc:

- Quan trắc mực nước, nhiệt độ nước: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, đo 10 lần/tháng; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, đo 5 lần/tháng.

- Quan trắc chất lượng nước dưới đất: Thực hiện 2 đợt/năm.

- Các trạm quan trắc tự động nước dưới đất: 24/24 giờ.

c) Thông số quan trắc:

- Quan trắc chất lượng nước dưới đất thực hiện tối thiểu 24 thông số gồm: EC (độ dẫn điện), DO (Oxy hòa tan), pH, Amoni (NH_4^+ tính theo Nitơ), Nitrate (NO_3^- tính theo Nitơ), chỉ số Permanganat, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Tổng Coliform, Độ cứng, Arsenic, Chloride, Nitrite (NO_2^- tính theo Nitơ), Cyanua (CN^-), Sắt, Mangan, Sulfate (SO_4^{2-}), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Cadimi (Cd), Tổng Chromi (Cr), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Selen (Se), Phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$).

Căn cứ mục tiêu quan trắc, yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước, ngoài các thông số tối thiểu, bổ sung thêm 02 thông số tổng hoạt độ phóng xạ α và tổng hoạt độ phóng xạ β tại một số vị trí.

- Quan trắc mực nước, nhiệt độ nước và kiểm tra chiều sâu công trình.

(Chi tiết mạng lưới quan trắc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế các quyết định: Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt “Mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2025 định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bình Phước đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bình Phước đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về phê duyệt mạng lưới quan trắc động thái nước dưới đất tỉnh Bình Phước.

2. Sau khi cơ quan thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng

Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, mạng lưới, thông số và tần suất quan trắc môi trường của tỉnh Đồng Nai được thực hiện theo quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T.M*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Lưu VT, KTNS, KTN, Thu. *S*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng